

Thứ hai, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/06/2020		•	
Tuần 22/6-26/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường có một phiên giao dịch ổn định. VN-Index duy trì sắc xanh trong hầu hết cả phiên giao dịch với mức tăng suy yếu vào phiên chiều. Dòng tiền đầu tư suy yếu so với phiên trước khi có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Nhóm ngành tăng điểm mạnh nhất trong phiên là nhóm Bán lẻ (DGW) và Phân bón (DPM, DCM). Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên HSX và HNX. Thanh khoản giảm nhẹ, biên độ thu hẹp với độ rộng thị trường tích cực đang báo hiệu tâm lý giao dịch cẩn trọng trên thị trường. VN-Index có thể sẽ tích lũy 1,2 phiên trước khi kiểm tra lại vùng điểm 880-900 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/06/2020, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Hàng tiêu dùng 2.1%**

Phân tích kỹ thuật: PDR_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +2.72 điểm, đóng cửa 871.28 điểm. HNX-Index -0.64 điểm, đóng cửa 114.72 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.72); MSN (+0.43); GAS(+0.27); TCB (+0.25); VNM (+0.20).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.39); BID (-0.17); GVR (-0.17); VJC (-0.17); HVN (-0.16).
- Giá trị khóp lệnh của VN-Index đạt 4,352 tỷ đồng, giảm -5.9% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 5.57 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có 205 mã tăng, 52 mã tham chiếu và 172 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -23.48 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (-33.5 tỷ), PDR (-12.6 tỷ) và DBC(-12.4 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -0.66 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoaabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

871.28

Giá trị: 4352.89 tỷ

2.72 (0.31%)

Khối ngoại (ròng): -22.87 tỷ

HNX-INDEX

114.72

Giá trị: 623.32 tỷ

-0.64 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -0.67 tỷ

UPCOM-INDEX

56.68

Giá trị: 0.28 tỷ

0.34 (0.6%)

Khối ngoại (ròng): -4.49 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.8	0.00%
Giá vàng	1,749	0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,213	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,961	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,714	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	0.00%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.84%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	51.0	VNM	33.5
VIC	29.0	PDR	12.6
DPM	14.4	DBC	12.4
DGW	8.8	CII	9.7
VCB	7.0	VJC	8.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
22/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	2.1%	2.1%	4.7%	55.3%	0.1%	0.1%	19.8%
Stay-at-home	1.9%	1.9%	6.1%	47.0%	6.6%	6.6%	17.7%
Lãi suất giảm	1.9%	1.9%	9.8%	56.6%	3.3%	3.3%	19.6%
Xây dựng	1.7%	1.7%	4.5%	44.6%	-0.8%	-0.8%	19.4%
Nước & Năng lượng	1.3%	1.3%	2.4%	31.6%	-6.6%	-6.6%	16.9%
Dầu khí	0.6%	0.6%	5.6%	48.1%	-19.9%	-19.9%	25.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	0.5%	0.3%	32.6%	-8.6%	-8.6%	18.0%
VN Diamond	0.4%	0.4%	-0.3%	33.4%	-12.1%	-12.1%	19.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.4%	1.9%	36.7%	6.3%	6.3%	15.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.4%	0.1%	30.6%	-8.2%	-8.2%	16.1%
Ngành Dược	0.4%	0.4%	-0.9%	16.7%	-6.6%	-6.6%	18.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	0.3%	-0.1%	31.0%	-13.5%	-13.5%	16.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	0.3%	1.9%	35.7%	-9.7%	-9.7%	19.6%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.2%	0.8%	29.8%	-7.2%	-7.2%	17.1%
Corona Avengers	0.2%	0.2%	3.7%	53.0%	0.8%	0.8%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	0.1%	-1.4%	39.2%	-11.1%	-11.1%	21.5%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	0.1%	3.8%	50.6%	2.0%	2.0%	20.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.0%	0.0%	7.2%	37.0%	-5.0%	-5.0%	18.0%
Ngân Hàng	-0.1%	-0.1%	2.5%	35.3%	-2.7%	-2.7%	23.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	-0.1%	2.5%	37.9%	-4.6%	-4.6%	21.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.1%	-0.1%	7.0%	45.8%	-1.2%	-1.2%	22.4%
VN FinSelect	-0.2%	-0.2%	2.4%	36.7%	-4.4%	-4.4%	20.0%
Chiến tranh thương mại	-0.3%	-0.3%	3.7%	47.4%	-6.6%	-6.6%	18.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.3%	-0.3%	1.8%	9.5%	9.5%	9.5%	26.0%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	1.2%	1.2%	4.2%	34.8%	-6.6%	-6.6%	17.6%
S21	0.9%	0.9%	0.4%	37.9%	-6.6%	-6.6%	20.1%
M31	0.7%	0.7%	2.1%	36.7%	-6.7%	-6.7%	21.2%
L22	0.7%	0.7%	2.3%	43.6%	-5.9%	-5.9%	19.9%
S32	0.6%	0.6%	1.2%	47.2%	-13.6%	-13.6%	22.5%
S11	0.4%	0.4%	3.8%	30.9%	0.0%	0.0%	18.9%
M22	0.4%	0.4%	1.4%	39.8%	-1.8%	-1.8%	18.9%
L32	0.2%	0.2%	5.6%	57.4%	-4.6%	-4.6%	21.2%
M12	0.1%	0.1%	-0.1%	31.5%	-6.2%	-6.2%	20.0%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.4%	1.4%	6.9%	45.1%	4.5%	4.5%	17.6%
LOW1	0.8%	0.8%	1.5%	30.0%	-4.1%	-4.1%	17.2%
HIGH3	0.5%	0.5%	1.0%	40.9%	0.5%	0.5%	19.3%
INDEX							
VNINDEX	0.3%	0.3%	0.8%	31.5%	-9.3%	-9.3%	17.0%
VN30INDEX	0.2%	0.2%	0.5%	32.6%	-7.9%	-7.9%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	11	13	11	13	18	6
Mục tiêu	9	7	2	7	2	7	2
Rủi ro	3	3	0	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PDR_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PDR đang hình thành nhịp hồi phục sau khi chạm lại ngưỡng đáy ngắn hạn 22.5. Thanh khoản cổ phiếu hiện vẫn nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên và ở mức yếu. Chỉ báo MACD vẫn đang cho thấy dấu hiệu chuyển sang xu hướng tích cực trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp hồi phục sau khi chạm kênh Bollinger dưới. Đường giá cổ phiếu cũng đã quay lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh quanh vùng giá 24-25 và có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 29-30 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 23.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 22/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.83	0.20%	7.30%	18.93%	-28.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.16	-0.07%	6.14%	15.79%	-32.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	127.73	0.45%	9.57%	20.94%	-27.14%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1748.47	0.26%	1.35%	1.24%	23.47%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.78	0.90%	2.31%	3.95%	16.33%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	880.00	-0.09%	0.46%	3.04%	-7.00%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	484.25	-0.21%	-5.00%	-6.02%	-12.87%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.99	0.33%	2.79%	21.47%	24.13%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.90	-0.12%	2.79%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.18	1.16%	1.16%	11.74%	-12.56%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	95.90	-0.88%	-1.13%	-11.53%	-16.32%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5849.50	0.77%	1.12%	9.23%	-2.03%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	514.92	0.33%	1.39%	3.26%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1592.00	-0.90%	0.44%	6.70%	-9.93%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.54	-0.39%	-0.44%	8.62%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.35	1.62%	0.76%	-6.40%	-30.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

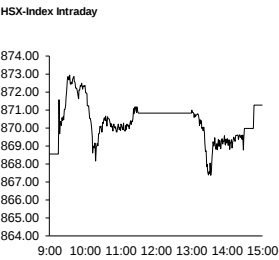
Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 10 US cent hay 0.2% lên 42.29 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 4 US cent hay 0.1% lên 39.87 USD/thùng.

Giá vàng

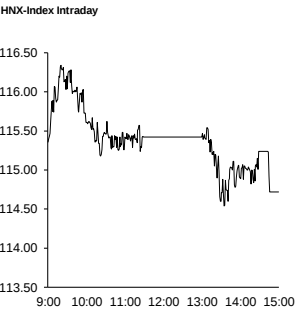
• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,751.63 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,764.50 USD/ounce.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

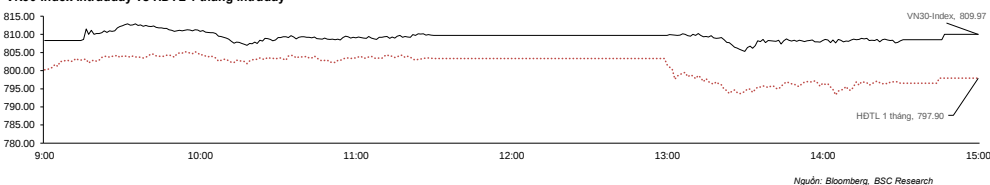
Bảng 1

Ngành	±%
Bảo hiểm	-1.99%
Du lịch và Giải trí	-1.32%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.66%
Dầu khí	-0.36%
Tài nguyên Cơ bản	-0.35%
Dịch vụ tài chính	-0.24%
Công nghệ Thông tin	-0.11%
Ngân hàng	-0.11%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.02%
Bất động sản	0.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.05%
Truyền thông	0.14%
Hóa chất	0.18%
Ô tô và phụ tùng	0.28%
Thực phẩm và đồ uống	0.35%
Xây dựng và Vật liệu	0.48%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.56%
Bán lẻ	1.37%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HĐTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	797.90	-0.09%	-12.07	20.0%	156.049	7/16/2020	26
VN30F2008	788.40	-0.33%	-21.57	-23.8%	560	8/20/2020	61
VN30F2009	784.20	-0.36%	-25.77	94.9%	230	9/17/2020	89
VN30F2012	781.10	-0.57%	-28.87	-7.3%	101	12/17/2020	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +1.69 điểm lên mức 809.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, MSN, VJC, và STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay giằng co quanh mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh vùng giá 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2008 đang giảm, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVIC2001	KIS	12/16/2020	177	5:1	235.150	294.4%	2.0 triệu	32.19%	2.700	1.460	28.07%	345	4.23
CDPM2002	KIS	12/16/2020	177	1:1	113.790	29.6%	2.0 triệu	41.26%	1.700	2.970	23.75%	1.960	1.52
CTCB2004	MBS	8/18/2020	57	2:1	194.250	38.4%	2.0 triệu	36.28%	1.050	2.130	8.67%	1.983	1.07
CMSN2004	MBS	9/4/2020	74	5:1	190.190	229.3%	1.5 triệu	34.23%	1.980	1.540	7.69%	1.141	1.35
CVHM2002	SSI	11/30/2020	161	1:1	21.280	-7.1%	1.5 triệu	36.72%	11.500	11.630	5.63%	8.995	1.29
CVHM2001	KIS	12/16/2020	177	5:1	188.360	155.0%	2.0 triệu	36.72%	3.100	1.540	4.76%	675	2.28
CMWG2007	SSI	11/30/2020	161	1:1	27.040	-5.8%	2.0 triệu	39.67%	12.900	11.710	3.90%	9.322	1.26
CMBB2002	SSI	8/10/2020	49	1:1	355.520	356.5%	3.0 triệu	34.36%	1.300	1.000	2.04%	708	1.41
CVNM2003	MBS	9/4/2020	74	10:1	186.730	-19.4%	3.0 triệu	31.31%	1.450	2.530	0.00%	2.271	1.11
CFPT2003	SSI	11/9/2020	140	1:1	29.550	60.2%	2.0 triệu	32.34%	7.300	9.710	-0.31%	2.875	3.38
CHPG2002	KIS	12/16/2020	177	2:1	196.190	-36.9%	3.0 triệu	36.48%	1.700	1.670	-1.76%	982	1.70
CHPG2005	VND	10/1/2020	101	1:1	149.020	215.3%	2.0 triệu	36.48%	2.100	7.460	-2.36%	8.589	0.87
CFPT2004	SSI	8/10/2020	49	1:1	39.170	50.6%	2.0 triệu	32.34%	5.100	6.960	-2.38%	1.188	5.86
CVNM2004	SSI	11/30/2020	161	1:1	23.660	-19.2%	2.0 triệu	31.31%	17.500	15.610	-2.62%	9.486	1.65
CVNM2002	KIS	12/16/2020	177	5:1	297.070	201.5%	3.0 triệu	31.31%	3.200	1.400	-2.78%	640	2.19
CVPB2005	MBS	8/18/2020	57	2:1	139.890	51.6%	2.0 triệu	43.85%	1.510	2.020	-3.81%	1.848	1.09
CHPG2007	KIS	7/16/2020	24	1:1	198.510	-8.9%	2.5 triệu	36.48%	1.660	4.410	-4.34%	4.401	1.00
CHDB2003	KIS	12/16/2020	177	2:1	253.590	223.6%	2.0 triệu	39.13%	2.700	1.460	-4.58%	637	2.29
CSTB2002	KIS	12/16/2020	177	1:1	193.300	-3.6%	3.0 triệu	40.88%	1.700	2.150	-6.52%	1.361	1.58
CSTB2003	KIS	9/16/2020	86	1:1	262.590	-25.9%	3.0 triệu	40.88%	1.360	1.800	-7.22%	1.297	1.39
Tổng:					3.059.700		43.50 triệu	36.21%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 22/06/2020, chứng quyền cùng chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

• Về giá, CVIC2001 và CDPM2002 tăng mạnh lần lượt là 28.07% và 23.75%. Trái lại, CVJC2002 và CSTB2003 giảm mạnh lần lượt là -10.00% và -7.22%. Giá trị giao dịch tăng 23.99%. CHPG2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.31% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	78.30	2.35	0.92
MSN	58.30	2.28	0.80
TCB	20.75	1.22	0.75
MWG	85.90	1.66	0.54
VNM	115.40	0.35	0.30

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	11.7	-1.68	-0.47
VJC	109.0	-0.91	-0.34
HDB	26.5	-1.12	-0.27
VIC	96.9	-0.41	-0.25
VPB	22.7	-0.44	-0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC2001	139.968	126.468	96.900
CDPM2002	16.952	15.252	15.350
CTCB2004	19.100	17.000	20.750
CMSN2004	64.900	55.000	58.300
CVHM2002	88.500	77.000	78.300
CVHM2001	110.067	94.567	78.300
CMWG2007	99.900	87.000	85.900
CMBB2002	19.300	18.000	17.500
CVNM2003	108.500	94.000	115.400
CFPT2003	57.300	50.000	47.000
CHPG2002	33.999	29.999	27.300
CHPG2005	21.100	19.000	27.300
CFPT2004	55.100	50.000	47.000
CVNM2004	135.500	118.000	115.400
CVNM2002	157.111	141.111	115.400
CVPB2005	22.520	19.500	22.700
CHPG2007	24.659	22.999	27.300
CHDB2003	37.523	32.123	26.500
CSTB2002	13.588	11.888	11.700
CSTB2003	12.471	11.111	11.700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.9	1.7%	1.2	1,691	3.5	8,808	9.8	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.1	0.0%	1.3	579	1.2	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.0	-1.0%	1.3	1,581	1.2	1,307	37.5	1.9	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	-1.3%	0.4	297	0.0	2,056	14.9	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	96.9	-0.4%	0.8	14,250	2.1	2,095	46.3	4.1	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.6	-0.7%	1.1	2,727	1.9	1,226	22.5	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	59.0	-0.5%	0.8	2,487	5.2	3,584	16.5	2.5	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.3	-0.5%	0.8	421	0.3	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.6	-0.8%	1.4	284	2.2	2,289	5.5	0.9	40.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	-0.7%	1.3	397	2.5	1,415	10.7	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.9	0.4%	1.0	164	0.5	4,240	5.4	0.9	28.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.4	0.0%	1.8	257	1.5	1,480	13.1	1.3	52.5%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.0	0.0%	0.8	1,602	1.6	4,804	9.8	2.2	56.3%	23.4%
FOX	Công nghệ	57.6	1.1%	0.4	623	0.0	4,812	12.0	3.0	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.1	0.7%	1.5	6,083	0.7	5,820	12.6	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.0	0.0%	1.5	2,382	4.0	869	52.9	2.9	13.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.7	0.0%	1.6	264	1.6	1,238	10.3	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.4	0.0%	0.8	998	1.1	898	8.2	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.4	0.3%	0.5	525	0.0	5,046	18.3	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.4	7.0%	0.4	261	5.8	1,006	15.3	0.7	11.2%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.4	6.9%	0.4	217	2.4	415	22.7	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	85.5	0.1%	1.2	13,787	4.9	4,848	17.6	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.3	-0.4%	1.4	7,222	1.1	2,140	19.3	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	0.4%	1.2	3,796	3.1	2,510	9.3	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.7	-0.4%	1.2	2,406	2.0	3,750	6.1	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	0.0%	1.1	1,835	2.0	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.1	-1.2%	1.0	1,742	2.4	3,780	6.4	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	55.0	1.9%	0.9	196	1.0	5,303	10.4	1.8	80.8%	17.0%
NTP	Nhựa	39.9	1.5%	0.5	170	0.6	4,208	9.5	1.5	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.8	-2.5%	0.5	680	0.0	356	44.4	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.3	-0.2%	1.1	3,277	11.6	2,764	9.9	1.5	35.8%	17.4%
HSG	Thép	12.1	1.7%	1.5	234	5.9	1,493	8.1	0.9	13.3%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.4	0.3%	0.8	8,737	4.3	5,453	21.2	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.0	-0.2%	0.8	4,628	0.4	6,719	24.7	6.2	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	58.3	2.3%	1.0	2,963	4.1	3,961	14.7	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	1.7%	0.8	378	1.3	171	86.7	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	63.4	0.8%	0.8	6,001	0.5	3,450	18.4	3.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	109.0	-0.9%	1.1	2,483	1.3	7,110	15.3	3.8	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	27.0	-1.3%	1.7	1,665	1.0	1,654	16.3	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.8	0.8%	0.9	256	0.3	1,583	12.5	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.2	3.7%	1.1	136	0.4	2,117	5.3	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.3	-0.2%	0.9	427	0.5	9,201	6.9	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	-2.7%	0.8	389	0.7	1,453	13.7	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	0.7%	1.0	229	0.1	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	67.8	6.9%	1.1	225	2.0	8,032	8.4	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.1	-1.1%	0.4	520	0.1	1,498	18.1	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.0	-0.8%	0.3	197	1.1	1,775	10.7	0.9	39.8%	8.5%
POW	Điện	10.5	1.0%	0.6	1,069	1.4	1,028	10.2	0.9	11.7%	9.4%
NT2	Điện	22.4	5.2%	0.5	280	0.7	2,543	8.8	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	78.30	2.35	1.72	2.80MLN
MSN	58.30	2.28	0.43	1.62MLN
GAS	73.10	0.69	0.27	227680.00
TCB	20.75	1.22	0.25	1.17MLN
VNM	115.40	0.35	0.20	867620.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.39	508020.00	1.11MLN
BID	0.00	-0.17	622920.00	607060.00
GVR	0.00	-0.17	1.13MLN	373600.00
VJC	0.00	-0.16	276620.00	192700.00
HVN	0.00	-0.14	872120.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	7.80	7.00	0.01	10.00
ITA	5.67	6.98	0.10	20.21MLN
VID	7.36	6.98	0.00	29520.00
QBS	3.53	6.97	0.01	381980.00
DPM	15.35	6.97	0.11	8.82MLN

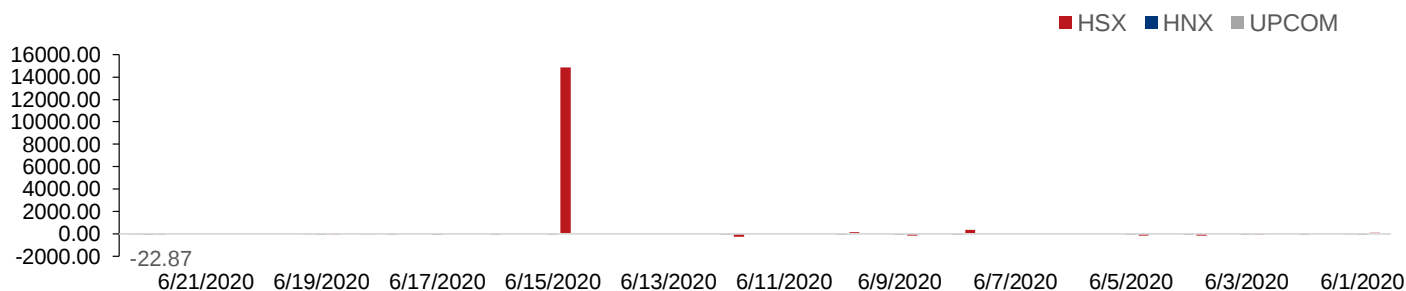
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSC	59.40	-6.90	-0.02	70.00
HQC	2.04	-6.85	-0.02	30.39MLN
L10	13.90	-6.71	0.00	60.00
TIX	27.25	-6.68	-0.02	10.00
LCM	0.70	-6.67	0.00	62440.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



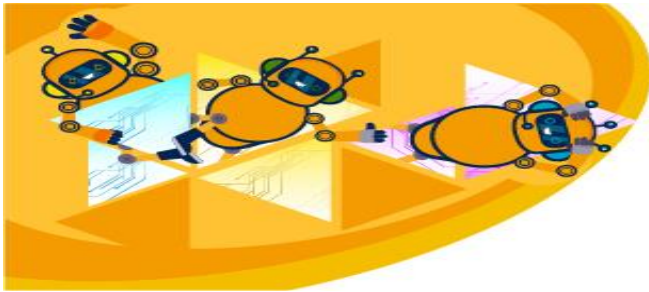
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	58.3	3,961	14.7	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.8	4,717	8.2	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	12.1	1,493	8.1	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	46.4	5,479	8.5	2.3	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.6	1,140	18.0	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.3	2,764	9.9	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.8	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.1	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.6	5,718	23.5	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.6	2,289	5.5	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.3	7,637	2.8	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.3	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	37.0	4,465	8.3	1.6	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	85.5	4,848	17.6	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.1	3,780	6.4	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.2	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.6	3,887	13.5	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.0	4,804	9.8	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.8	1,583	12.5	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn